

**ĐẶC ĐIỂM CHUNG VÀ VAI TRÒ
CỦA NGÀNH CHÂN KHỚP****I – MỤC TIÊU**

– Nhận biết được đặc điểm chung của ngành Chân khớp cùng sự đa dạng về cấu tạo, môi trường sống và tập tính của chúng.

– Giải thích được vai trò thực tiễn của Chân khớp, liên hệ đến các loài ở địa phương.

II – THÔNG TIN BỔ SUNG

– Trong phần đặc điểm chung, SGK nêu 6 đặc điểm của ngành Chân khớp (hình 29.1→6). Có đặc điểm đã học ở bài trước rồi nhưng được bổ sung và minh hoạ bằng hình ảnh như : cấu tạo chi phân đốt, cấu tạo cơ quan miệng, sự phát triển của chân khớp. Nhưng có đặc điểm ở bài này mới bổ sung một cách đầy đủ : đặc điểm vỏ kitin cơ thể, cấu tạo mắt kép, tập tính của sâu bọ...

III – PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT

– Các tranh vẽ liên quan đến các hình trong SGK.

– Một số tiêu bản, mẫu ngâm, mẫu khô, mô hình có liên quan.

– Băng và đĩa hình đề cập đến cấu tạo và vai trò của ngành Chân khớp nếu có.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC**1. Gợi ý lời giới thiệu**

Tương ứng với số lượng loài và tầm quan trọng của ngành Chân khớp, nên số giờ học về chúng cũng nhiều hơn cả. Dù sống ở nước, ở nơi ẩm ướt, trên cạn hay trên không, chân khớp đều có các đặc điểm chung như nhau và có vai trò lớn đối với tự nhiên và đời sống con người.

2. Các hoạt động

– Hoạt động 1 : Đặc điểm chung của ngành Chân khớp

GV cho HS nghiên cứu hình 29.1, 2, 3, 4, 5, 6 và các chú thích kèm theo để trao đổi, thảo luận, chọn lấy 3 nội dung được coi là đặc điểm chung của ngành Chân khớp .

Đáp án : các nội dung trình bày ở hình 29.1, hình 29.3 và hình 29.4 của SGK.

– Hoạt động 2 : Sự đa dạng ở chân khớp

+ Cách thực hiện : GV cho HS căn cứ vào các thông tin đã học, thảo luận và điền vào bảng 1 và bảng 2.

Các bảng điền đúng như sau :

Bảng 1. Đa dạng về cấu tạo và môi trường sống của Chân khớp

STT	Tên đại diện	Môi trường sống			Các phần cơ thể	Râu		Chân ngực (số đôi)	Cánh	
		Nước	Nơi ẩm	Ở cạn		Số lượng	Không có		Không có	Có
1	Giáp xác (tôm sông)	√			2	2 đôi		5 đôi	√	
2	Hình nhện (nhện)		√		2		√	4 đôi	√	
3	Sâu bọ (châu chấu)			√	3	1 đôi		3 đôi		2 đôi

Bảng 2. Đa dạng về tập tính

STT	Các tập tính chính	Tôm	Tôm ở nhờ	Nhện	Ve sâu	Kiến	Ong mật
1	Tự vệ, tấn công	√	√	√		√	√
2	Dự trữ thức ăn			√		√	√
3	Dệt lưới bẫy mồi			√			
4	Cộng sinh để tồn tại		√				

5	Sống thành xã hội					√	√
6	Chăn nuôi động vật khác					√	
7	Được cái nhận biết nhau bằng tín hiệu				√		
8	Chăm sóc thế hệ sau			√		√	√

- Hoạt động 3 : Vai trò thực tiễn

Cách thực hiện : GV hướng dẫn HS sử dụng kiến thức đã học ở các bài trong chương 5 thảo luận và điền vào bảng 3. Bảng 3 điền đúng như sau :

Bảng 3. Vai trò của ngành Chân khớp

STT		Tên đại diện có ở địa phương	Có lợi	Có hại
1	Lớp Giáp xác	Tôm càng xanh	Thực phẩm	
		Tôm sú	Thực phẩm	
		Tôm hùm...	Thực phẩm	
2	Lớp Hình nhện	Nhện chằng lưới	Bắt sâu bọ có hại	
		Nhện đỏ		Hại cây trồng
		Bọ cạp	Bắt sâu bọ có hại	
3	Lớp Sâu bọ	Bướm	Bướm thụ phấn cho hoa	Hại cây (sâu non ăn lá)
		Ong mật	Cho mật ong, thụ phấn cho hoa	
		Kiến	Bắt sâu bọ có hại	

V – KẾT LUẬN

Cuối cùng, GV cho HS nhắc lại các kết quả chính ở 3 hoạt động để hướng tới ghi nhớ và kết luận.

VI – ĐÁP ÁN CÂU HỎI CUỐI BÀI

Câu 1 : Đặc điểm quan trọng của Chân khớp là có vỏ kitin (vừa là bộ xương ngoài, vừa chống bay hơi nước, thích nghi sống ở trên cạn) và chân phân đốt, khớp động (làm khả năng di chuyển được linh hoạt và tăng cường). Đặc điểm được dùng đặt tên cho cả ngành Chân khớp. Ưu thế của Chân khớp còn do nhiều đặc điểm thích nghi nêu ở câu 2.

Câu 2 : Chân khớp đa dạng về môi trường sống và về tập tính là nhờ thích nghi rất cao và lâu dài của với điều kiện sống thể hiện ở :

– Các phần phụ có cấu tạo thích nghi với từng môi trường sống như : ở nước là chân bơi, ở cạn là chân bò, ở trong đất là chân đào bới.

– Phần phụ miệng cũng thích nghi với các thức ăn lỏng, thức ăn rắn... khác nhau.

– Đặc điểm thân kinh (đặc biệt não phát triển) và các giác quan phát triển là cơ sở để hoàn thiện các tập tính phong phú ở sâu bọ.

Câu 3 : Về giá trị thực phẩm thì lớp Giáp xác có ý nghĩa thực tiễn lớn. Hầu hết các tôm, cua ở biển, ở nước ngọt... có giá trị thực phẩm và xuất khẩu, đều thuộc lớp Giáp xác.

VII – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các tài liệu số : 2, 3, 8, 15, 20, 21 phần 1 SGK.